

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/DS-ST

Ngày: 21- 01 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng góp hội và
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt;

2. Ông Nguyễn Dũng Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thái Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng góp hội và hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đoàn Thị Minh H**, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 3, ấp H, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Vương Sơn H1**, sinh năm 1984; địa chỉ: 3/64, ấp T, xã T1, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 25/6/2021). Vắng mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1982; vắng mặt.

2.2. Bà **Đỗ Thị H3**, sinh năm 1981; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp H, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 6 năm 2021 của nguyên đơn bà Đoàn Thị Minh H, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bà H là ông Vương Sơn H1 trình bày:

Trước đây, bà H làm chủ hội và vợ chồng ông Th, bà H3 có tham gia nhiều dây hội của bà H cụ thể như sau:

- Dây hội thứ nhất: Hội 1.000.000 đồng/tháng, hội mở ngày 05/5/2018 AL, hội gồm có 25 phần; ông Th, bà H3 tham gia 03 phần và hốt hội ở lần thứ nhất vào ngày 10/7/2018 (AL) với số tiền là 18.000.000 đồng; đến 05/10/2018 (AL) hốt hội lần 2 số tiền là: 17.420.000 đồng và ông Th, bà H3 hốt hội lần 3 được số tiền 18.620.000 đồng. Dây hội này ông Th, bà H3 còn nợ lại 06 kỳ hội chết là 1.000.000 đồng x 03 phần x 06 kỳ = 18.000.000 đồng.

- Dây hội thứ hai: Hội 100.000 đồng, một tuần khui một lần, hội mở ngày 05/9/2018 (AL), hội gồm 120 phần. Ông Th, bà H3 tham gia 02 phần đã hốt hội xong cụ thể: Lần 1: ngày 06/5/2019 bà H3, ông Th hốt được số tiền 8.450.000 đồng; lần 2: ngày 09/8/2019 được số tiền 9.186.000 đồng. Dây hội này ông Th bà H3 còn nợ lại 56 tuần hội chết là 100.000 đồng x 02 phần x 56 tuần = 11.200.000 đồng.

- Dây hội thứ ba: Hội 1.000.000 đồng/ tháng, hội mở ngày 20/4/2019 (AL), hội gồm có 25 phần; ông Th, bà H3 tham gia 02 phần và hốt ngày 20/8/2019 (AL) số tiền là 17.990.000 đồng; vào ngày 20/12/2019 ông Th, bà H3 hốt hội ở phần thứ 2 được số tiền 19.400.000 đồng. Dây hội này ông Th, bà H3 còn nợ lại 12 kỳ hội chết là 1.000.000 đồng x 02 phần x 12 kỳ = 24.000.000 đồng.

Ngày 21/07/2019, bà H3 có vay của bà H số tiền 5.000.000 đồng. Tổng số tiền nợ hội và tiền vay ông Th, bà H3 còn nợ bà H là 58.200.000 đồng; sau đó, ông Th trả cho bà H được số tiền 17.100.000 đồng số tiền còn nợ lại là 41.100.000 đồng cho đến nay ông Th, bà H3 chưa thanh toán. Đã nhiều lần bà H yêu cầu ông Th, bà H3 trả nợ nhưng ông Th, bà H3 chỉ hứa mà không thực hiện. Nay, bà H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Th bà Đỗ Thị H3 trả số tiền hội và tiền vay là 41.100.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Ông và bà H3 là vợ chồng, nhưng đã ly hôn vào tháng 01/2021. Trong quá trình sống chung với bà H3, ông có biết việc bà H3 có tham gia hội của bà H, do có thấy bà H đến nhà ông, bà H3 thu tiền hội. Sau khi ly hôn, bà H3 bỏ địa phương đi, không rõ đi đâu, làm gì. Sau đó, bà H có đến nhà ông đòi tiền nợ thì ông có trả cho bà H được khoảng 10.000.000 đồng. Nay, bà H yêu cầu ông và bà H3 trả số tiền nợ hội, tiền vay 41.100.000 đồng, ông không đồng ý vì ông không có tham gia hội của bà H.

Bị đơn bà Đỗ Thị H3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Vương Sơn H1, bà Đỗ Thị H3 và ông Nguyễn Văn Th.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Đỗ Thị H3 có tham gia 03 dây hui do bà Đoàn Thị Minh H làm chủ hui, bà H3 đã hốt hui và còn nợ lại tiền hui chết, ngoài ra, ngày 21/07/2019, bà H3 có vay của bà H số tiền 5.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền nợ hui và tiền vay là 58.200.000 đồng. Sau đó, ông Th trả cho bà H được 17.100.000 đồng, còn nợ lại 41.100.000 đồng. Hiện tại, bà H3 đã bỏ địa phương đi, không rõ đi đâu, ông Th cho rằng không tham gia hui của bà H nên không đồng ý cùng bà H3 trả số tiền 41.100.000 đồng. Nên các bên xảy ra tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Minh H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc bà Đỗ Thị H3 có tham gia các dây hui tháng, tuần của bà Đoàn Thị Minh H là có thật. Khi mở hui, bà H có lập danh sách hui viên cho các hui viên biết. Khi đăng hui, hốt hui bà H có giao giấy biên lai giao hui và bà H3 có ký tên. Đến ngày 16/11/2020, bà H, bà H3 có chốt lại tổng số tiền hui và tiền vay còn nợ lại là 41.100.000 đồng và bà H3 có ký tên. Mặc dù, không thể xác định được bà H3 phản đối hay thừa nhận yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng việc bà H3 thiếu nợ hui, vay của bà H được ông Th xác nhận nên đủ căn cứ xác định giữa các bên có xác lập giao dịch góp hui và vay tài sản.

Căn cứ vào Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để xác định bà H3 có tham gia hui của bà H và còn nợ lại tiền hui và tiền vay là 41.100.000 đồng. Đến nay, bà H3 vẫn chưa trả được tiền hui, vay cho bà H do bà H3 bỏ địa phương đi. Nên yêu cầu của bà H về việc yêu cầu bà H3 trả số tiền hui, tiền vay 41.100.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của bà H về việc yêu cầu ông Th (chồng bà H3) cùng có trách nhiệm trả số tiền hui, vay là 41.100.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Đỗ Thị H3 và ông Nguyễn Văn Th là vợ chồng, sống cùng nhà với nhau tại ấp H, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Tuy nhiên, vào tháng 01/2021, ông Th, bà H3 đã ly hôn, các sổ hui (07 biên nhận hui) do bà H cung cấp cho Tòa án thể hiện bà H3 đã lĩnh hui, trong đó có 01 biên nhận hui ghi tên người nhận là ông Th. Ông Th phản đối chứng cứ này nhưng không yêu cầu giám định chữ ký của mình xem như không có chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối của mình. Mặc khác, ông Th cho biết ông có biết việc bà H3 tham gia các dây hui của bà H, mọi chi tiêu trong nhà do bà H3 quản lý. Sau đó, ông Th có trả cho bà H số tiền nợ là 17.100.000 đồng, nên đủ cơ sở xác định ông Th biết và thừa nhận nợ của bà H3 đối với bà H. Giấy chốt nợ giữa bà H và bà H3 lập ngày 16/11/2021, thời điểm này ông Th, bà H3 chưa có quyết định ly hôn nên đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân ông Th phải có trách nhiệm cùng với bà H3 trả nợ hui, vay cho bà H. Do đó,

yêu cầu của bà H về việc yêu cầu ông Th cùng có trách nhiệm với bà H3 trả số tiền nợ hui, tiền vay là 41.100.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà H3, ông Th phải chịu án phí sơ thẩm tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự; các Điều 144, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Minh H đối với ông Nguyễn Văn Th và bà Đỗ Thị H3 về việc tranh chấp hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Văn Th, bà Đỗ Thị H3 cùng có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị Minh H số tiền hui, vay là 41.100.000 (bốn mươi một triệu một trăm nghìn) đồng. Ghi nhận bà H không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Đoàn Thị Minh H cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Đỗ Thị H3, ông Nguyễn Văn Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

Bà Đỗ Thị H3, ông Nguyễn Văn Th phải chịu 2.055.000 (hai triệu không trăm năm mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đoàn Thị Minh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà H số tiền 1.027.000 (một triệu không trăm hai mươi bảy nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà H đã nộp tại biên lai thu số 0002145 ngày 23/6/2021, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Xuân Lan